

TƯỢNG NIỆM TRƯỞNG DÃ MÃ

Sói Mỏng Tai

Tuy đã hai mươi sáu năm trôi qua kể từ khi Trưởng Dã Mã ra đi vĩnh viễn, hình ảnh Anh vẫn còn đậm nét trong tâm trí tôi cho đến tận bây giờ, hình ảnh ngời sáng của một Huynh Trưởng Hướng Đạo mà chúng tôi kính phục, yêu mến như một người anh cả trong gia tộc.

Đề tưởng niệm lần thứ hai mươi sáu, năm Anh qua đời, tôi xin thành tâm thắp nén hương lòng dâng lên Anh và tỏ lòng tôn kính bằng cách kể lại những kỷ niệm về Anh, chia-xẻ nỗi nhớ tiếc của mình đối với một bậc đàn anh đáng kính, một Hiệp sĩ của Hướng-Đạo chúng ta, để cùng các bạn gần xa đồng ngưỡng mộ.

Một buổi chiều mùa Xuân năm 1968, nhà tôi cùng tôi từ Tiểu Chung Viện mà Cha Hoài đã cho gia đình chúng tôi đến tản cư về thăm căn nhà chúng tôi ở An Cựu. Vừa bước vào sân, chúng tôi thấy trên cửa chính có mấy dòng chữ viết bằng gạch vụn:

“Anh có đến thăm hai em và các cháu”

BTT hai em,

Dã Mã

Tôi bỗng rụng rời, bàng hoàng lo sợ, linh tính báo cho tôi biết là sẽ không bao giờ chúng tôi còn được gặp lại Anh nữa! Nhìn sững dòng chữ trên cửa mà lệ ứa quanh mi, rồi màu gạch biến thành màu máu, nhạt nhoà hình ảnh Anh chụp chôn trong đó, làm tôi bật khóc thành tiếng. Chúng tôi lên Bến Ngự tìm Anh, nhưng không còn Anh ở nhà thờ Cụ Phan nữa, nơi Anh đã sống một cuộc đời thanh thản, giản dị từ khi về nước năm 1965. Từ mùa Xuân ấy Anh đi luôn không trở lại Huế lần nào, người thì đồn Anh đã mất nơi này, người nói nơi khác; dù sao, ngay từ mùa Xuân ấy, tôi vẫn tin là Anh đã ra đi vĩnh viễn rồi.

Từ đó, mỗi lần Tết đến tôi lại ngậm ngùi thương nhớ Anh, một con người cương trực mà hiền hoà, với chiếc áo dài đen, quần vải trắng, chiếc mũ bê-rê đen, đôi ủng đen cao cổ và chiếc áo choàng đen dài quá gối. Anh đã ngoài 60 tuổi, dáng thanh nhã, gầy gầy, phong thái ung dung như một nhà Nho, nhưng lại rất can trường, gan dạ, thích xông pha thám hiểm giữa rừng sâu, thật đúng với tên rừng Anh là Dã Mã.

Anh là một trong những Trưởng khai sáng phong trào Hướng Đạo miền Trung từ 1930- 1932, dùng xe đạp đi khắp các tỉnh để cổ động cho phong trào, là một nhà giáo rất giỏi chữ Nho và chữ Pháp, thích làm thơ, chơi đàn, thổi sáo, rành võ đạo và kiếm thuật v.v...

Anh rời quê hương để đi Thụy Sĩ đầu năm 1950. Ngày 20 - 7 -1954 Anh căng lều bên bờ hồ Lemans ngồi thổi sáo, tuyệt thực để phản đối việc ký hiệp định Genève chia đôi đất nước ở vĩ tuyến 17, nhưng Anh đã thất bại.

Sau khi tổ quốc bị phân chia, Anh buồn bã chuyển qua Pháp ở, tìm đến khu đất phế thải xe hơi, kiếm đủ phụ tùng ở nhiều xe, tự ráp thành một chiếc xe để làm phương tiện di chuyển đó đây và cũng là nơi che mưa, che nắng. Anh định cư tại đó, bắt đầu xới đất trồng rau để ăn, nuôi ong lấy mật làm chất bổ dưỡng. Những cây xà lách Anh trồng cao gần một thước, vì anh cứ lật từng lá ăn dần, không nhổ cả cây như ta thường dùng, nên rau của Anh cứ thế cao lên mãi.

Cuộc sống của Anh khắc khổ, đơn độc, âm thầm áp ủ những ý nguyện tuyệt vời cho đất nước. Nhưng rồi ngày tháng dần qua, thấy đời sống Pháp không hợp với chủ trương trung lập của Anh, nên Anh tìm cách trở về Việt Nam đầu năm 1965.

Anh về lại nguyên quán ở Quảng Trị thăm người em là Võ Thành Khiết, rồi vào Huế cư ngụ tại nhà thờ Cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự.

Tánh Anh thích hoạt động và giúp đỡ mọi người. Anh mở lớp dạy miễn phí môn Pháp văn cho sinh viên, học sinh và dạy võ, đánh kiếm v.v... Học sinh của Anh rất kính phục và thương yêu Anh, thường đem đến biếu Thầy khi thi thức ăn, khi đồ dùng cần thiết. Bên dòng sông Bến Ngự của cô đô trầm lặng, Anh tiếp tục nếp sống thanh đạm trong môi trường thích hợp với Anh là duy trì được nghề thầy giáo và sinh hoạt Hướng Đạo.

Các con lớn của chúng tôi cũng được Anh dạy cho bài “Dã Mã Đơn Kiếm”. Các cháu yêu mến Bác lắm và rất mê đánh kiếm, đạp xe từ An Cựu lên Bến Ngự để học với Bác rất chuyên cần.

Kể từ sau năm 1954, ngay khi còn ở ngoại quốc cho đến khi về nước, hằng năm cứ đến ngày 20 tháng 7 là Anh tuyệt thực đúng một tháng để đánh dấu sự thất bại đau đớn nhất đời Anh.

Suốt tháng đó Anh đánh máy thư gửi cho quý vị nguyên thủ quốc gia khắp các nước trên thế giới, từ Vua chúa, Tổng thống, Thủ tướng v.v... Trong thư, Anh tỏ ý đau buồn thấy đất nước thân yêu bị chia đôi và yêu cầu quý vị đó có giải pháp gì giúp đỡ cho nước Việt Nam thống nhất ba miền Trung, Nam, Bắc v.v... Có vị hồi âm ngay, cũng có vị không trả lời; người trả lời thư Anh sớm nhất là Nữ Hoàng nước Anh.

Chúng tôi thường đến thăm Anh, chỉ lo Anh đã quá gầy mà còn tuyệt thực suốt một tháng, sợ Anh không đủ sức chịu đựng. Vậy mà lần nào đến cũng thấy Anh đang đánh máy thư gửi cho quý vị đó, hoặc quét dọn, lau chùi bàn thờ Cụ Phan và ngôi nhà Từ đường rất sạch sẽ, chưa lúc nào đến mà thấy Anh đang nằm nghỉ hết. Có lần, chúng tôi đến không thấy Anh, chúng tôi hoảng hốt đi quanh tìm, gặp Anh đang ung dung đi bộ thong thả cạnh bờ sông.

Tháng tuyệt thực của Anh đã qua, Anh vẫn tươi tắn, vui cười, mặc dù thân hình càng tiêu tụy thêm, nhưng đôi mắt vẫn sáng ngời chứa đầy nghị lực. Sau khi tuyệt thực Anh cũng không chịu ăn uống tẩm bổ gì hết, mà chỉ ăn rau tươi với cơm, cháo chay như thường lệ thôi.

Thấy chúng tôi Anh mỉm cười hiền hậu, xiết chặt tay trái chúng tôi rồi nói: “ Anh vẫn tuyệt thực mỗi năm một tháng như vậy từ hơn 10 năm nay, có gì đâu mà hai em lo cho Anh quá”.

Một hôm, tôi đang đứng tựa cửa nhìn ra sân, bỗng thấy Anh xuống xe từ ngoài công, vẫn chiếc áo dài the đen, ống quần vải trắng nhét trong đôi ủng đen cao cổ, đầu đội nón Gò-Găng.

Anh vượt hai vạt áo dài, thong thả dắt xe đạp đi vào, giữa hai hàng rào chè tàu xanh ngắt; tôi có cảm tưởng như đang nhìn thấy một tráng sĩ thời xưa vừa xuống ngựa, vượt lại y phục cẩn thận để vào nhà.

Tôi vội chạy ra chào Anh, cùng lúc nhà tôi và các cháu cũng ùa ra mừng bác. Anh bảo Anh sẽ ngủ lại nói chuyện cho vui. Thế là các cháu đã biết ý bác, quen lệ ra vườn hái đủ thứ rau, nào rau muống, rau sam, rau má, rau xà lách, cải non, ngò và ớt trái v.v... (Món ăn thích nhất của Anh là bữa ăn nào cũng có rau sống như vậy). Còn tôi cầm dao ra cắt một trái mít non, đem vào gọt vỏ, cắt từng miếng to, luộc chín, xong xắt lát mỏng xào với đậu phụng, mè rang chín giã nhỏ với muối, thêm ít rau răm xắt vào trộn đều, dọn với bánh tráng nướng vàng. Các thứ rau sống thì rửa sạch, để vào một đĩa lớn, chấm với xì dầu ớt trái. Tôi còn nấu thêm món canh chua chay với bạc hà, thơm, khế, cà chua, rau ôm, nấm, đều là của “cây nhà lá vườn” hết.

Khi trăng vừa lên đủ sáng, chúng tôi đem ba chiếc ghé để cạnh bể cạn có hòn non bộ giữa sân, đàn cá vàng bơi tung tăng dưới nước đùa giỡn với bóng trăng rằm. Những hàng cau tỏa hương thơm ngát, lẫn với hương hoa mộc, hoa mai, hoa nhãn, hoa khế v.v... làm không khí thêm tươi mát, thanh khiết lạ lùng.

Các con trai của chúng tôi có học võ tạ và nhu đạo từ trước, cầm kiếm ra sân trong bộ y phục võ sinh, dưới bài “Dã Mã Đơn Kiếm” do bác dạy: rồi trình diễn mấy thế võ để khoe bác. Anh cũng vui vẻ đi mấy đường quyền, thế kiếm thật linh động, dũng mãnh.

Sau khi các cháu vào ngủ, chúng tôi vẫn còn cùng Anh ngồi nói chuyện. Đêm càng khuya, chúng tôi càng nói thấp giọng và thỉnh thoảng cả ba anh em đều phải ngưng nói, để im lặng thưởng thức tất cả sự huyền diệu của trăng khuya. Đêm lặng lẽ mênh mông trong bầu trời thăm màu lồng lộng trên cao, các vì sao chiếu lấp lánh hơn và nàng trăng lộng lẫy kiêu sa toả sáng dịu dàng hơn.

Trong sự yên lặng của khu vườn bốn bề cây cối bao bọc nơi vùng ngoại ô của thành phố, chúng tôi hẳn là mỗi người một xúc cảm, một ý nghĩ có thể khác nhau, nhưng không ai là không nhận ra một cái gì rất thơ và đầy vẻ huyền ảo.

Hình ảnh ba anh em ngồi bên nhau trong đêm khuya ấy, với trăng sáng, sao sáng và hai hàng càu dịu dàng đầu gối đã để lại những ấn tượng êm đềm trong tôi.

Sáng hôm sau theo thói quen tôi vẫn dậy sớm, trong ánh sáng lờ mờ của ban mai, đã thấy Anh y phục chỉnh tề, lặng lẽ ngồi Thiền định trước bàn thờ tự lúc nào.

Hôm nay, tôi viết ra đây một vài kỷ niệm về Anh để tỏ bày trong muôn một, lòng tôn kính, khâm phục của chúng tôi đối với một Huỳnh Trường Hướng Đạo mẫu mực, đã nêu gương hy sinh anh dũng đầy kiên nhẫn trong tình yêu đất nước thiết tha, đã hết lòng phụng sự tổ quốc và phong trào, suốt cuộc đời tận tụy, cho lý tưởng cao đẹp của mình, mà đến lúc lia trần vẫn chưa tròn nguyện ước.

Thời gian có thể xoá mờ mọi vật, nhưng đã không thể xoá mờ được hình ảnh cùng tâm hồn trong sáng của Anh. Tôi tin rằng tên Anh sẽ mãi mãi hiện hữu với thời gian.

Johnson City, đầu xuân 1994.

Sói Mỏng Tai